Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9026.80.00

Mã HS	9026.80.00
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32 / - Thiết bị hoặc dụng cụ khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	10/11/2026 20:40:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90268000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18167
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18167
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18167
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17489
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17418
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17418
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17418
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17418
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17418
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17418
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17474
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17474

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17474
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17474
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17474
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17474
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17475
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17475
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17475
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17475
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17475
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17475
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17480
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17436
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17432
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17432
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17432
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17432
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17432
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17432
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17478
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17478
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17478
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17478
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17478
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17478
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17540
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17540

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17540
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17540
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17540
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17540
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17516
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17516
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17516
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17516
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17516
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17516
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17511
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17511
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17511
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17511
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17511
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17511
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17541
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17541
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17541
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17541
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17541
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17541
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17540
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17540
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17540
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17540

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17540
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17540
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17634
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17634
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17634
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17634
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17634
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17634
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17634
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17503
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17503
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17503
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17503
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17503
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17503
RCEP B	2022	2022	0	B!D17503
RCEP B	2023	2023	0	B!E17503
RCEP B	2024	2024	0	B!F17503
RCEP B	2025	2025	0	B!G17503
RCEP B	2026	2026	0	B!H17503
RCEP B	2027	2027	0	B!I17503
RCEP C	2022	2022	0	C!D17501
RCEP C	2023	2023	0	C!E17501
RCEP C	2024	2024	0	C!F17501
RCEP C	2025	2025	0	C!G17501
RCEP C	2026	2026	0	C!H17501

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17501
RCEP D	2022	2022	0	D!D17500
RCEP D	2023	2023	0	D!E17500
RCEP D	2024	2024	0	D!F17500
RCEP D	2025	2025	0	D!G17500
RCEP D	2026	2026	0	D!H17500
RCEP D	2027	2027	0	D!I17500
RCEP E	2022	2022	0	E!D17504
RCEP E	2023	2023	0	E!E17504
RCEP E	2024	2024	0	E!F17504
RCEP E	2025	2025	0	E!G17504
RCEP E	2026	2026	0	E!H17504
RCEP E	2027	2027	0	E!I17504
RCEP F	2022	2022	0	F!D17503
RCEP F	2023	2023	0	F!E17503
RCEP F	2024	2024	0	F!F17503
RCEP F	2025	2025	0	F!G17503
RCEP F	2026	2026	0	F!H17503
RCEP F	2027	2027	0	F!I17503
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16409
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16409
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16409
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16409

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9026.80.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9026.80.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9026.80.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9026.80.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18167), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.